

Số: /QĐ-PTCKH

Biên Hòa, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023 của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Biên Hòa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của kế toán đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Biên Hòa (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Phó Trưởng phòng và các Tổ chuyên môn phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Văn hóa và TT (phối hợp công khai);
- Các Phó Trưởng phòng;
- Các Tổ chuyên môn;
- Lưu:VT, Kế toán.

TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Quốc Thái

Biểu số 3- Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28/9/2018 của BTC

Đơn vị: **PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: **618**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

Căn cứ Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3		5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	617.000.000	1.657.369.292	268,62%	161,03%
I	Số thu phí, lệ phí	17.000.000	65.032.618	382,54%	76,51%
1	Lệ phí	0			
	Lệ phí cấp GCN ĐKKD	0			
2	Phí	17.000.000	65.032.618	382,54%	247,24%
	Phí thẩm định dự án	17.000.000	65.032.618	382,54%	247,24%
II	Thu khác	600.000.000	1.592.336.674	265,39%	168,64%
	Thu thẩm tra quyết toán	600.000.000	1.469.604.074	244,93%	172,30%
	Kinh phí tổ chức bán đấu giá		94.387.600		104,94%
	Thu khác		28.345.000		2113,72%
III	Chi từ nguồn thu phí được để lại	615.300.000	811.309.600	131,86%	126,13%
1	Chi sự nghiệp.....		0		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0		
2	Chi quản lý hành chính	615.300.000	811.309.600	131,86%	126,13%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	615.300.000	811.309.600	131,86%	126,13%
	Phí thẩm định dự án	15.300.000	7.907.000	51,68%	77,37%
	Thu thẩm tra quyết toán	600.000.000	689.329.000	114,89%	123,34%
	Kinh phí tổ chức bán đấu giá		94.387.600		140,05%
	Lệ phí cấp GCN ĐKKD		0		
	Thu khác		19.686.000		293,48%
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0		
IV	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.700.000	65.275.693	3839,75%	71,68%
1	Lệ phí	0	0		
	Lệ phí cấp GCN ĐKKD	0	0		

2	Phí	1.700.000	65.275.693	3839,75%	201,68%
	Phí thẩm định dự án	1.700.000	65.275.693	3839,75%	2265,42%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.248.380.000	2.341.741.486	44,62%	126,69%
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.248.380.000	2.341.741.486	44,62%	126,69%
1	Chi quản lý hành chính	5.248.380.000	2.341.741.486	44,62%	126,69%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.769.780.000	2.247.765.120	59,63%	134,89%
	- Thanh toán cá nhân	2.365.780.000	1.234.622.901	52,19%	107,52%
	+ Lương, PC theo lương	2.365.780.000	1.262.222.901	53,35%	107,86%
	+ Trợ cấp tết		-27.600.000		125,45%
	-Chi hoạt động:	1.404.000.000	1.013.142.219	72,16%	195,57%
	+Chi hoạt động		118.639.944		148,24%
	+Chi bổ sung thu nhập		732.502.275		352,13%
	+ Trợ cấp ăn trưa		64.000.000		89,51%
	+Chi hỗ trợ khác		98.000.000		61,83%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.478.600.000	93.976.366	6,36%	51,61%
	340-341	1.478.600.000	93.976.366	6,36%	51,61%
	- BCD PTKTTT	45.000.000	0	0,00%	
	- KP hoạt động ngoài khoán	225.000.000	9.194.340	4,09%	95,54%
	- KP hoạt động thu phí, lệ phí	135.000.000	58.647.730	43,44%	95,66%
	- Kinh phí cưỡng chế	900.000.000	-6.250.000	-0,69%	
	- Kinh phí tổ chức đối thoại doanh nghiệp	36.000.000	4.784.296	13,29%	
	- CP thẩm định giá Bến Thủy Nguyễn Văn Trị	110.000.000	0	0,00%	
	Trợ cấp Tết theo QĐ số 77/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh	27.600.000	27.600.000	100,00%	125,45%